

THƯỜNG KIỆT

TẬP CHÍ

TRƯỜNG KIỆT TẬP CHÍ

- 1- Các bài viết...
- 2- Các bài viết...
- 3- Các bài viết...
- 4- Các bài viết...
- 5- Các bài viết...
- 6- Các bài viết...
- 7- Các bài viết...
- 8- Các bài viết...
- 9- Các bài viết...
- 10- Các bài viết...

Trung-quốc, tên là Lý Nguyên-Cát. Theo lệnh trên, Lý Nguyên-Cát lấy cổ truyện đặt thành bài tường rồi dạy người mình hát. Con hát, trước hết là con cái các nhà quyền quý, mặc gấm vóc, theo nhịp đờn nhịp trống mà hát. (1)

Ông Nguyễn-Đổng Chi cho rằng lối múa hát đời Đinh, Lê (vừa kể trên) tiến lên các trò hát chèo và hát tường nhờ được nhiều duyên cớ :

« Thứ nhất là một bọn đạo-sĩ (2) nhà Tống (960-1278) sang ta truyền cho trò Phấn-hí tức là một lối trò vẽ mặt cợt đùa. Người Việt-Nam hơn đó đem cái lối múa hát của mình ra pha với điệu của trò ấy mà thành ra lối hát chèo.

« Thứ hai là nhờ có nhạc khúc Chăm. Năm 1044, sau trận đánh với quân Chăm giết được vua Sạ-dầu (Jaya Sinhavarman) ở kinh đô Phật-thệ (Vijaya), vua Thái-Tông, ngoài sự bắt thề thiếp Sạ-dầu, lại còn lũng các cung-nữ giỏi nghề ca múa khúc điệu Tây-Thiên đưa về. Kể đó lại sai phiên dịch nhạc khúc của Chăm cùng là tiếng nhịp trống cho nhạc công mình ca (1060). Từ đó hợp với lối múa hát Việt-Nam mà xuất hiện ra lối hát tường. (3)

Cũng tác-giả ấy nói rằng nghề xướng ca và làm trò ở trong dân gian đã có từ lâu. Nhất là trong đám quân-sĩ mỗi khi khải hoàn, họ hội nhau đóng trò diễn lại cái cảnh thắng trận có âm-nhạc đệm vào, trước để đẹp lòng chủ tướng, sau tự mua vui, dần dần thành ra thói quen. Chuyện hát trò cũng do đó xuất hiện. (4)

Nghệ thuật kịch phát khởi ở Tàu từ đời Thương (1776-1154), Châu (1122-255) và nước ta bị Bắc thuộc lần thứ nhất năm 111 trước T. C., mãi đến năm 939 sau Tây lịch

Ông Alfred Schreiner chắc rằng có thể tìm được dấu vết sự thờ phượng tổ tiên của người Giao Chỉ (1).

Cái tên Giao Chỉ có từ năm 111 trước Tây lịch đến năm Quý mùi (203 sau T.C.), là năm mà quan Thứ sử Trương-Tân cùng với quan Thái thú Sĩ-Nhiếp đứng sớ lên cho Hán Hiến-Đế xin cải Giao Chỉ làm Giao Châu.

Vậy sự thờ phượng tổ tiên đã có ở tại đất ta vào thời Bắc thuộc lần thứ nhất và lần thứ hai (111 tr. T.C.— 89 sau T.C. và 43-544) mà chắc chắn là không phải ở thế kỷ thứ sáu theo lời ông A. Coué, mà ở thế kỷ thứ 2 sau T.C. (trước năm 203 thời mà dân Việt ta còn gọi là Giao-Chỉ).

Như trên đã nói, hình thức đơn giản nhất của nghề kịch là lời thần bí thoát xuất ở tục thờ cúng tổ tiên.

Thế thì nghề hát tuồng phối-thai ở tục thờ phượng tổ-tiên không phải đợi đến đời Tống (960-1275) hay Nguyên (1280-1341) ở Tàu, Đinh (968 980), Lê (Tiền Lê : 980 1009) hay Trần (1225-1400) ở ta mới đột khởi, mà nó đã manh nha dưới lối thần bí từ hồi Bắc thuộc lần thứ nhất và thứ 2. Người ta không gọi thần bí là kịch, hát chèo hay hát tuồng vì là một lối múa hát để dựng cho tổ-tiên chơi không phải để công chúng xem. Nó mới còn là một cái mộng của cái cây to lớn sum-xê ngày nay là : hát tuồng cùng các biến thể của nó.

Còn nếu chúng ta tin theo thuyết chủng-tộc của Léonard Aourousseau (2), thì thủy tổ của người mình ngày nay chính là giống Việt chiếm cứ các tỉnh Giang-tô miền Nam Sơn-dông và Triết-giang về thế-kỷ thứ 5 trước T. C. Nước Việt của Câu-Tiền toàn thịnh vào khoảng năm 472 và bị nước Sở diệt năm 333 trước T. C. Nước Việt mất, dân Việt ly tán, tràn xuống miền Nam làm thành vô số nước chư-hầu nhỏ gọi là Bách-Việt. Trong số ấy có bốn tập mạnh nhất ở những vùng Triết-Giang, Phước Kiến

Thuyết chủng tộc này mà đúng (1), nghĩa là người mình ngày nay là dòng dõi trực-tiếp của giống Việt bị Sở diệt năm 333 trước T. C. ở tỉnh Triết-Giang nước Tàu ngày nay, thì nghề xường ca của ta bây giờ cũng phát-nguyên từ hồi ấy với Việt Câu-Tiền (xem đoạn trên).

Nhưng chúng tôi khơi nguồn nghề hát ở xa quá, có người cho là lập dị chẳng? Nên nghĩ dừng lại ở câu kết: « Nghề hát tuồng đã mạnh nha dưới lốt thần hi từ hồi Bắc thuộc ở thế kỷ thứ 2. » là phải.

Nghề múa hát ở Tàu du nhập sang ta ban đầu còn ăn dưới lốt lễ thức, hiện nay cũng còn di tích. Một dấu vết xa là « về triều Minh-Mạng có lập trường Trường-xuân, sau đổi lại tên Thanh-bình-thự, đến triều Thành-Thái lại đổi ra Võ-Can đội, hiện bây giờ lại đổi làm trường Thanh-bình, thế là biết lịch triều đều có giáo tập ba đội con hát để trong một năm lễ miếu-hương và khi tế Nam-Giao (2), khi tế Văn-thánh, Xã tắc, Lịch-đại để vương-miến, các lễ khánh-tiết v. v. toàn dùng Thanh-bình-đội thái múa bát dật, ấy là một đại lễ trong nhạc-bộ vậy. » (3)

Đình, chùa, biểu hiệu của tinh thần dân tộc Việt-Nam rải rác khắp các làng xã. Đình là chỗ thờ Thần, làng cũng là chỗ nhóm của ban hội tề (bây giờ là nhà việc). Đình còn nhiều công dụng nữa. Ngoài sự cúng tế mỗi năm ở đó, các cuộc hội hè hoan hỉ bất thường đều phải họp nơi đình. Có khi đình biến thành một nơi tiếp khách quý và, nếu có dịp, sẽ được dọn dẹp làm một sân khấu tạm thời.

Những dịp ấy là những lễ trong năm như :

- lễ kỷ yên (chủ ý là cầu khẩn Trời cho mùa màng được tốt, dân chúng yên ổn làm ăn) vào lối trung tuần tháng hai;
- lễ cầu bông

Lúc ấy, phần tiền-dinh hay võ-ca được dọn dẹp biến thành một sân khấu ; có khi ban hát tiếp diễn hai ba ngày liền mới dứt.

Hiện nay, những nhà khá-giả ở Nam-kỳ còn theo tục-lệ xưa, đến ngày thành tuổi con (12 tuổi) có rước bóng đến nhà mua trước trang thờ Bà.

Trong lúc nhạc rồi, người Bông thi-thô tài nghệ của mình ra, thuật quân-bình : hoặc để một cái lu, một cái trống, cái mâm lên đầu hoặc một chai rượu (nấm) rồi nghiêng đầu xuống rót rượu hoặc một chén nước đầy để trên một khúc cây nhỏ và nhón cây này đặt lên ngón tay trở làm cái chén xoay tròn và nước không đổ. Khi nào múa hay, những người được mời dự lễ có thưởng tiền.

Chúng ta gọi là lễ dựng cồng.

Đó, phải chăng là một dấu vết còn sót lại của điệu thần-hí trong tục thờ phượng tổ-tiên ngày xưa và là bình thể đơn giản nhứt của nghệ kịch biến-thời ?

Ở mảnh đất Việt này, muốn phăng nguồn một chuyện gì về lịch sử, tức là đặt chuyện ấy thành một vấn đề, một nghi án, chỉ vì sử sách về thời ấy thiếu hay nếu có thì cũng đã mất. Thành ra, muốn tìm cội rễ người ta chỉ còn có phép là phỏng đoán hoặc đặt ra giả thuyết này, giả thuyết nọ, chứ không ai dám chắc được.

Nếu kẻ đến sau không bằng lòng người đi trước tất phải phá hoại cái giả thuyết trước của người, rồi xây dựng kiến thiết ngay lên đó một thuyết khác. Nhiều người làm, nhưng cùng một chủ hướng : tìm sự thật.

Nếu chẳng may mà kẻ viết bài này trong lúc đi tìm sự thật lại gặp phải đồ giả, thì rất mong các bậc cao minh có để ý đến đề này bổ khuyết giùm cho.

HƯƠNG-TRÀ



GIÚP VIỆC ĐẠI TANG NGHỊ

Đức bà Từ-Dũ Thái-Thái-Hoàng Thái-Hậu (1900)

KỸ THUẬT

I

Từ-Dũ là con Đức-Quốc-Công. (1)

Lấy Vua Hiến-Tổ sanh Dục-Tông (3)

Phước trời hưởng thọ ba trăm một (4)

Con cháu năm đời (5) xúm xít đông.

1. Đức bà, ngự huy Phạm thị Hằng, con gái Đức Quốc Công Phạm đẳng Hưng, quán ở tỉnh Gò Công. — 2. Đức bà là chánh hậu của Đức Hiến Tổ (vua Thiệu Trị) — 3. Dục-Tông là Miếu hiệu của vua Tự-Đức. Đức bà sanh ra vua Tự-Đức. — 4. Đức bà hưởng thọ được 93 tuổi. — 5 Năm đời là : Đức bà Từ-Dũ, (vợ vua Thiệu Trị) đức bà Trang-Ý (vợ vua Tự-Đức) Hoàng thái hậu, (vợ đức Dục-Đức) Đức Thành Thái và Hoàng tử Vĩnh Trân (con cả vua Thành Thái) lúc bây giờ gọi là « Ngủ đại đồng đường ».

II

Bà ở với chồng con cháu chắc.

Trước sau cả thấy tám Triều vua. (1)

Một lòng vì nước không đời đổi,

Tiết bá

IV

Bà người mưu trí lại khôn ngoan. (1)
Việc nước đương nguy sửa lại an.
Pháp soái Bôn-Be tài cũng chịu
Mời tà gái giỏi gánh giang-san.

1. Đức bà là một bậc trí thức, có thể gọi là « Nữ trung Nghiêu Thuấn ». Trong cơn nước nhà nguy biến, mà đức bà khéo lo toan điều đình làm cho cơ nghiệp Tiên hoàng được vững bền an như bàn thạch. Quan Toàn quyền Paul Bert cũng ngợi khen và cảm phục đức bà, thật đáng « Mẫu nghi Nam-Việt ».

V

Thành-Thái lên ngôi tuổi ấu xung. (1)
Nhờ bà dạy dỗ ở trong cung.
Nên tài nên đức nên Vua thánh,
Mọi nước muốn đời hưởng phước chung.

1. Vua Thành-Thái là con đức Dục-Đức. Khi lên nối ngôi cho vua Đồng-Khánh, thì mới có 10 tuổi, nhờ đức bà khuyên răn dạy bảo, nên mới trị vì được 19 năm.

VI

Tướng bà muốn tuổi sống lâu đời.
Hưởng lộc nhà vua thuận mạng trời.
Năm Sửu không để tin sét đánh.
Tây cung Vương-Mẫu lệnh cho mời.

1. Năm Tân-Sửu, (1900) nhằm Triều Vua Thành - Thái năm thứ 13, đức bà đau bệnh già mà mất. Tin ấy lan khắp kinh-thành chẳng khác nào như sét đánh.

VII

Được tin xa giá ngự lên tiên.
Trời nổi mưa mưa gió gió liền. (1)
Như thể đem điềm cho biết trước.
Con dân Nam Bắc lưỡng ưu phiền.

1. Trước bữa đức bà thăng hà, thì trời nổi mưa gió liền như đem cái tin buồn báo cho con dân biết trước.

VIII

Trong cung Gia-2 họ (1) dọn trang hoàng.
Trên có Vua chầu dưới có Quan.
Làm lễ lần xong liền nhập oản.
Rước lên an vị ở trung gian.

(Còn nữa)

— THUẬN-TÂN-TÂN —

III. — TIỀN TỆ

ĐỔI CHÁC. — Nhờ giao-dịch, người ta bước một bước khá dài trên con đường tiến-bộ, nhưng đổi chác một vật này với một vật nọ, một món hàng này với một món hàng khác, là một việc rất bất tiện ; là vì ít khi mà hai người muốn đổi chác, gặp được nhu-yếu phù hợp nhau, nghĩa là vật của người này muốn đem ra đổi lại chính là vật người kia muốn có, và ngược lại.

Quan hai Cameron đi Phi-châu về có thuật chuyện mua ghe như vậy : « Lúc đó tôi cần dùng mua một chiếc ghe, nhưng người chủ ghe muốn tôi trả cho y bằng ngà voi, mà tôi không có. Tôi tìm coi ai có thể đưa cho tôi ngà voi, thì người ta chỉ cho tôi Mohammed Ibn Sélib : anh ta có, nhưng muốn đổi lấy vải mà thôi ; lại tôi không có vải, thành ra tôi cũng không tiến được bước nào. Vậy tôi kiếm coi ai có vải thì tôi gặp Ibn Guérib, mà anh ta muốn đổi lấy dây đồng. May thay ! dây đồng tôi có thừa.

« Thế rồi, tôi đưa dây đồng cho Ibn Guérib, y trao cho tôi vải. Tôi đưa vải cho Ibn Sélib, y trao lại cho tôi ngà voi. Tôi đem ngà voi lại cho chủ ghe. Thế là tôi có chiếc ghe ».

Đổi chác những vật hữu hình, những hàng hóa, còn khó như vậy ; nói chi đến sự đổi chác những vật vô hình, thuộc về trí thức. Một ông giáo định dạy kinh-tế-học để lấy quần áo hay bánh mì, tưởng ông tìm cả ngày, không một nhà buôn nào chịu đổi với món hàng của ông.

Bây giờ phải làm sao giải quyết sự khó khăn ấy ? Tất nhiên phải tìm cho ra một món hàng mà ai ai cũng đều nhận, nghĩa là không phải thuộc về sự cần dùng cá-nhân, mà lại thuộc về sự cần dùng chung cho tất cả mọi người. Có món hàng như vậy chăng ? Có chớ. Dầu trong xã hội nào cũng có. Ví như lúa gạo. Bên Á đông người ta ăn gạo, nên xưa kia hàng hóa, lương bổng của quan lại đều lấy lúa gạo làm tỷ-lệ. Ở các xứ thật lạnh

chi xa xôi, gần đây, vì thiếu xu, nên người ta dùng cò thẻ cho xu cũng xong, bởi phần đông đều cần dùng cò thẻ gọi thợ.

Chẳng phải hàng hóa mà ai ai cũng đều tiêu thụ, mới có thể dùng trong sự giao dịch được; mà lại những vật ít có, như ngọc ngà, hoặc vàng bạc, cũng có cái công dụng ấy nữa.*

Trong các chất kim, có một thứ bao giờ cũng kích thích lòng ham muốn của người ta; ấy là vàng. Chẳng những vàng coi đẹp, nó còn là thứ người ta đã biết trước nhất. Tại sao? Ấy chẳng qua nó không hao giờ bị ten bị sét như các chất kim thường, và người ta gặp nó được nguyên chất, không pha với chất nào khác. Thật là một loại kim vào bậc nhất, vì màu sắc đẹp dễ, rực rỡ, và có thể nói vì cái chỗ vô dụng của nó, nghĩa là nó chỉ dùng được trong sự xa-xỉ, trang sức, chứ chẳng phải trong các xưởng công nghệ. Không thể dùng nó để làm khí giới hay khí cụ: như gươm giáo hay lưỡi cày. Hình như nó có cái số tiền định phải dùng làm tiền tệ và vì vậy mà trở nên dấu hiệu của tài sản.

SỰ BÁN.— Bây giờ thử xét coi sự dùng một món hàng trung gian sẽ đem vô trong giao dịch những thay đổi như thế nào. Người có vật muốn đem đổi chác, thay vì lo tìm kiếm (như cái cảnh mua ghe bên Phi-châu trên kia) cho được một ai có thể đưa cho mình vật mình ước muốn thì chỉ tìm người nào có món hàng trung gian mà thôi; điều đó không khó lắm, và đem vật mình làm chủ đổi lấy món hàng trung gian ấy, nghĩa là đổi lấy vàng: ấy gọi là sự bán.

Kế, sau khi đã được món hàng trung gian rồi, nghĩa là đã được vàng; thì đi tìm vật mình muốn, và đem vàng ra đổi lấy vật ấy. Thế gọi là mua.

Vậy, bởi dùng một hàng hóa trung gian mà sự đổi chác thành ra gồm hai công việc liên tiếp và liên lạc nhau: bán và mua.

Song le, cũng còn một điều trở ngại: dầu trong tay sẵn tiền đi nữa, cũng chưa

Tóm lại, muốn cho sự giao dịch được dễ dàng, đã bày ra món hàng trung gian cũng chưa đủ, mà còn phải có một hạng người trong xã hội, phận sự là thâu góp những vật của kẻ nào không dùng vì cho rằng thừa, để đưa lại cho kẻ nào cần dùng. Hạng trung gian đó là hạng người buôn bán.

TIỀN-TỆ (la monnaie).—Trong truyện một ngàn lẻ một đêm của Ả-rập, có chuyện chàng Aladin với cây linh-dăng ; hễ chà cây đèn ấy thì ước muốn gì cũng được ; lâu đài, ngọc ngà châu báu, tôi mọi, bao nhiêu cũng có, cho đến công chúa tuyệt mỹ cũng có nữa. Đó là chuyện thần tiên bịa đặt. Nhưng với tiền bạc người ta cũng có được tất cả điều quý báu của cây linh-dăng kia. Vì lẽ nào mà tiền tệ có cái quyền lực lớn lao như vậy ?

Lẽ thứ nhất, như đã thấy trên kia, là tiền-tệ, khắp hoàn cầu, đâu đâu cũng dùng làm phương-tiền giao dịch, hay nói cách khác ; ai có tiền cũng biết rằng với tiền ấy có thể đổi lấy bất cứ vật gì mình muốn, trừ ra khi nào số tiền không đủ hoặc một mình lạc giữa sa mạc thì mới không dùng được tiền theo ý muốn.

Thế nên tiền tệ trôi hơn tất cả các vật khác, dầu là vật quý đi nữa cũng vậy. Là vì ai có của quý (bức tranh xưa, ngọc ngà châu báu) muốn đem ra giao dịch, thì điều cần trước nhất là phải đổi ra tiền, nghĩa là bán, rồi mới mua sắm được vật mình muốn. Trái lại, người có tiền tệ khỏi phải làm cái công việc đầu tiên đó ; có thể hưởng ngay được của cải của mình, khỏi phải chờ đợi. Vì thế mà tiền được nhiều người ưa thích mà cũng vì lẽ đó mà nó có cái quyền sai khiến mau và rộng hơn các tư sản khác.

Còn một lẽ nữa cũng làm cho tiền tệ có nhiều quyền lực. Là nó tích trữ cái năng lực mua sắm, tức là giá trị, chẳng khác nào thứ đèn bô túi tích trữ điện khí vậy. Muốn xài điện bao nhiêu, thì cứ bấm trên một cái nút, tức khắc có ánh sáng.

Tiền tệ cũng vậy. Nó chứa một cái năng lực mà người có nó, muốn xài bao nhiêu tùy ý. Lúc không x

trên kia muốn cất lúa để truyền cho con cháu, thì nào có được ! Trong mấy năm lúa bị ẩm ướt, tất phải hư hoại. Cờ nhiên giá trị của tiền tệ không còn nguyên vẹn như xưa : quyền mua sắm phải ít hơn trước, nhiều hay ít tùy theo đã lâu hay mau ; chẳng khác nào dầu thơm, dầu ve kín bao nhiêu, lâu năm cũng phải mất một phần nồng nàn của nó vậy.

Tiền tệ còn được cái lợi này nữa, là hề ai có nó, thì muốn sắm gì cũng được, nên khỏi phải ra công làm việc để tạo ra điều mình cần. Trên cõi đời này hình như ai nấy đều bị luật làm việc nó chi phối, chỉ trừ ra những người có tiền là tránh được cái luật ấy. Có phải là một đặc ân của tiền tệ chăng ?

Sau hết có thể nói rằng tiền tệ là một trong những khí cụ kỳ diệu của loài người bày ra, ngang hàng với các khí cụ để đo lường như cây thước, trái cân, cái lít vậy.

Hàng hóa nào cũng lấy tiền tệ mà lượng cả, và cái kết quả của sự lượng đó chính là giá (le prix) của món hàng vậy, hay nói cách khác, giá tức là giá trị đã lượng bằng tiền tệ.

Ấy vậy, quan niệm về đo lường được có trong công cuộc kinh tế. Đo lường trong một môn học không phải là việc nhỏ ! Kinh tế học trở nên một khoa học, và trở nên được, là từ ngày nó lấy tiền tệ làm khí cụ đo lường, nhờ đó mà bất cứ giá trị nào cũng được một hình thức số lượng.

TIỀN GIẤY. — Cái gì làm cho đồng tiền có giá trị ? Ta đã thấy vì lẽ nào mà tiền vàng (monnaie d'or) trội hơn các tư sản khác : nó cho ta sắm bất cứ món gì, nó cho ta đặt việc làm của kẻ khác và miễn việc làm của mình, nó có thể giữ luôn luôn giá trị. Đã đành, nhưng tại sao nó lại có những tính cách ấy ?

Biết rằng vàng coi đẹp, và bao giờ người ta cũng ham muốn để làm đồ nữ trang hay làm mũ vua. Nhưng nếu chỉ vì để dùng làm kiềng, vòng, cà rá, đồng hồ v. v..., thì không đủ cất nghĩa giá trị của hết th

tiền hiện trên đồng tiền chẳng khác nào là cái nhãn dán ở trên món hàng cho biết giá trị mà thôi: nó chỉ giá trị chứ không có tạo ra giá trị.

Nhưng rồi làm sao cắt nghĩa giá trị của tiền giấy? Cổ nhiên không phải do giá trị riêng của tấm giấy, tuy rằng thứ giấy thật tốt. Có thể nói rằng tiền giấy chỉ là một dấu hiệu của số vàng hay bạc để trong nhà ngân hàng.

Người ta nhận lấy cốt là để đem xài vì biết chắc rằng đem nó đi mua sắm hay trả nợ cũng đều được; không ai không nhận tấm giấy đó.

Giá như tiền thật (*monnaie métallique*) đi nữa, khi lấy một đồng vàng hay một đồng bạc, không ai có ý nghĩ đem nó bán cho thợ bạc. Người ta nhận lãnh đồng bạc hay đồng vàng bởi vì biết rằng bất cứ ai cũng sẽ nhận nó với giá hiện trên đồng tiền. Thế nên giá trị đồng tiền là ở sự tin chắc của mọi người, rằng ai ai cũng sẽ nhận lấy đồng tiền ấy.

Tom lại, giá trị của tiền tệ căn cứ ở sự tin nhiệm, ở sự đồng lòng nhận lấy của tất cả người trong một nước (tiền giấy) hay của hết thảy các nước văn-minh (tiền vàng).

Sau hết có điều này nên đề ý, là số vàng trên hoàn cầu tuy càng ngày càng nhiều (mỏ vàng vẫn tiếp tục đào luôn) nhưng sự tăng thêm ấy rất chậm và có chừng mực, thành ra tỷ-lệ giữa vàng và các món hàng khác cũng có chừng mực.

LÊ-CHÍ-THIỆP biên dịch

ĐÁ CỎ BÁN

Thi văn bằng chữ Hán, ở Nam-kỳ không có đã lâu. Nay Đặng thục-Liêng tiên-sanh mới xuất-bản một tập: «Tiểu Phù-viên, Hán văn, Thi văn Toàn tập». Trong tập ấy ghi chép những lời ngâm vịnh từ Bắc qua Tàu và trở

NHÂN KHÍ ĐỌC :

« DANH TỪ KHOA HỌC »

CỦA ÔNG HOÀNG-XUÂN-HÂN

(Tiếp theo)

TRONG văn ta, tên địa-dư sử-học cùng khoa-học viết luôn trong âm thanh của ngoại-quốc, thì ban đầu có vẻ lố lăng, nhưng có lợi nhiều và lâu ngày thành quen, thì ắt cũng không lạ gì hơn là phiên âm một cách cưỡng bách bằng những vần mới và cái gạch nối liền mà ở đây nó thành cái gạch chia như kia.

Về việc phiên âm này tôi thấy người Nhật họ cũng bất nhứt lắm. Phái thì phiên trại một cách phiên phức như ông Hoàng-xuân-Hân đã nhắc lại :

Naphtylaminsulfosame phiên ra *na fu chi ru a min xu ru fuo ru*

Gyroscopic stabiliser phiên ra *ji y ai ro xu ta bi rai zao*.

Phái thì chữ quốc tế thế nào họ cứ viết ngay thế ấy, thành thử trong một trương báo, một bài luận, tôi thấy cả mấy diện chữ :

— Katagana phiên quốc âm của Nhật.

— Chữ Hán.

Số Arabe.

Chữ Rôma mà chữ rôma thì dẫn tên hay là in bài bằng tiếng allemand, anglais hay hollandais (xem *Taiwantgakkai zasshi*. Đài loan y học hội tạp chí, năm 1933 báo đã đến

nhiều tên nhà nghề. (Xem chừng như về phần công nghệ cũ sự điều tra ấy chưa làm và sợ e Việt Nam tự điển, về địa hạt ấy, đã loại ra một phần tiếng địa-phương của tự điển Hoàng tịnh Paulus Của ; thật rất nông).

Có nhiều vật nhiều tiếng tôi coi là mới mà ông Hoàng xuân Hãn cho nó cái áo Việt nam rất vừa vặn, tôi tưởng như đã có từ hồi nào :

Curseur : con chạy, cryométrie : phép đo lạnh,

cavalier : con mã, cryocopie : phép nghiệm lạnh.

colorimétrie : phép đo màu, peson : cân tay

teinture de tournesol : thuốc rượu quỳ, centrifuger : quay rầy.

Ở đây chúng ta nhờ cái khéo léo cấu dựng tiếng Việt của ông Hoàng-xuân-Hãn. Dùng chữ nho, ông cũng có cái thận trọng và khôn khéo tương đương như :

émulsion ông dịch : nhũ tương, évaporomètre : chưng kế ;

centrifuge ông dịch : ly tâm, centre de gravité : trọng tâm.

Nhờ cái học uyên thâm, ông đã đem về nhiều sự hiểu biết như :

Chamois : con linh, Cantbaride ; con ban miêu,

Bélier hydraulique : máy thủy dương. Jupiter : sao Mộc,

Saturne : sao Thổ; Vénus : sao Kim, Llynx : chòm sao Thiên miêu,

Danh từ khoa học :

Học hiệu chuyên môn, trường chuyên môn

Trường thực nghiệp chức nghiệp

Khoa trúc thạch

Chế độ độc tài

Quản quyền tuyệt đối

Cuộc chuyển chánh của đảng vô sản

Tác dụng hóa vật :

effet chimique (Hoàng-x-Hãn)

Tác dụng điện tích

effet électrolytique —

Tác dụng quang điện

effet photoélectrique —

Điện tử phân tán

électron dispersif

Song tinh sơ sinh

macle paragenique

Tuế sai nhật nguyệt

précession luni-solaire

Khoa nhiệt kế

thermométrie

là tiếng Việt có thể nói 50 phần 100

— Muốn mở rộng và chỉnh bị công trình của phái NAM-PHONG và phái KHOA-HỌC.

Tướng học giả nước ta nên kịp mở *Hội đồng toàn bị và hiến công tiếng việt* (Conseil de perfectionnement et d'illustration de la langue du Việt-nam), hầu quyết định phương pháp duy nhất tiếng nói và bảo trợ cuộc tiến hóa của tư tưởng và học thuật nước ta. Nhưng đây là một vấn đề khác, có lẽ bàn lại cũng nên.

NGUYỄN-VĂN-LIÊN

trong Ủy-ban Phan-thanh-Giản
của hội Đức trí Thế dục Namkỳ

SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN

— Đ A I - V IỆ T —

- | | | |
|--|-----------|------|
| 1) Cư Kinh (tiểu thuyết) của Hồ Biểu Chánh. | . . . | 0,70 |
| 2) Pétain Cách Ngôn, | . . . | 1,50 |
| Á Đông Triết Lý Hiệp Giải | | |
| của Đặng thục-Liêng và Hồ-văn-Trung | . . . | 3,00 |
| 3) Tiểu Phù-Viên, Hán-Văn, Thi-Văn toàn tập | | |
| của Đặng-thục-Liêng. | | 0,5 |
| 4) Nền Luân Lý Việt Nam của Lê-chí Thiệp. | . . . | 0,50 |
| 5) Những lời thường lầm trong sự học Quốc văn | | |
| của Đông-Hồ và Trúc Hà. | | 0,50 |
| Mới xuất bản : Huấn Từ Ca của Nguyễn viên Kiêu | | 0,25 |
| (Cô bồi tựa của Hồ Biểu-Chánh) | | |
| Đang in : 1) | | |

